



MỐI QUAN HỆ GIỮA NG- ỒI KHƠ-MÚ VÀ NG- ỒI THÁI Ở TÂY BẮC VIỆT NAM

HOÀNG LƯƠNG

Lâu nay, khi nói đến các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Nam ☐ ở Tây Bắc, ng- ời Thái đều gọi họ bằng một cái tên là “xá”. Cho đến nay, các nhà nghiên cứu vẫn chưa thể giải thích và có cứ liệu gì chắc chắn về tên gọi này. Trong tiếng Thái, khi gọi các dân tộc này bằng cái tên là “xá” với ý nghĩa là các tộc ng- ời ở địa vị thấp kém hơn mình. Nh- ng, trong thực tế điều đó có đúng hay không thì có lẽ phải ng- ọc dòng lịch sử trở về thời xa xưa, ít nhất là từ trước thế kỷ thứ XI, XII, khi có các đợt thiên di lớn của nhiều tộc ng- ời xuống vùng Đông Nam ☐, trong đó có ng- ời Thái.

Cho đến nay, các cụ già ng- ời Lào, ng- ời Thái khi nói đến các tộc ng- ời nhóm ngôn ngữ Nam ☐ hay các tộc ng- ời khác họ đều gọi là “lúng xá” (bác xá) một cách kính trọng, trù mến. Theo nhiều truyền thuyết đều cho rằng “xá” là anh cả, Thái là anh hai, ng- ời “xá” có tới 500 giống, còn Thái chỉ có 300 giống thôi. Điều đó chứng tỏ rằng tại vùng Đông Nam ☐ lục địa, đã có một thời các tộc ng- ời không phải là Thái, trong đó có ng- ời Khơ-mú và ng- ời Thái, đã từng chung sống hoà bình với nhau. Truyền thuyết quả bầu mẹ “Mạc tẩu pưng” của ng- ời Thái khẳng định rõ điều đó. Sau nạn Đại Hồng Thủy,

ông Trời “Then” đã thả xuống trần gian một quả bầu mẹ, trong đó chứa đủ các giống ng- ời, cây trồng, vật nuôi. Then dùng dùi nung đỏ dùi quả bầu để ng- ời và vật chui ra. Ai chui ra trước có n- ọc da đen hơn vì bị dính muội cái dùi, những ng- ời chui ra sau có n- ọc da trắng hơn. Tuy là truyền thuyết, nh- ng cũng đã phản ánh một thực tế lịch sử loài ng- ời đều cùng một nguồn gốc, hơn nữa đều là anh em, bình đẳng với nhau.

Quan niệm cho rằng, các tộc ng- ời “xá” là ng- ời lệ thuộc, là “cuông”, “nhóc”, “pua” hay “puộc” của ng- ời Thái là quan niệm mới có sau này khi xã hội vùng Tây Bắc bị phân hoá giai cấp. Trong khi nắm quyền thống trị, tầng lớp quý tộc Thái muốn khẳng định vị trí độc tôn của mình đã tìm mọi cách để “nguyên thủy hoá” hay “lạc hậu hoá” những kẻ bị mình thống trị, bắt họ lệ thuộc vào mình. Do đó, trừ những ng- ời là hàng xóm láng giềng và anh em bình đẳng với nhau, số còn lại đã đ- ợc phân thành kẻ trên ng- ời dưới, kẻ thống trị và ng- ời bị trị. Tình trạng đó kéo dài dai dẳng mãi cho tới Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Thực ra, “Tr- ớc ngày giải phóng (năm 1954-TG) dù đã c- trú rất lâu hay mới tới Tây Bắc đ- ợc một hai trăm năm nay, các nhóm Nam ☐ kể trên đều là những ng- ời

dân “không có bản m-ờng” phải thân phục các chúa đất phong kiến Thái. Các bản làng của họ bị phân tán vào trong các lãnh địa Thái. Hầu nh- không có một bộ phận nào c- trú trong một khu vực tập trung đông và đ- ọc xây dựng thành một đơn vị hành chính cấp trên bản. Các nhóm ng- ời này, không trừ một ai, chịu chung số phận cha truyền con nối làm kẻ “nô lệ” hợp thành một đẳng cấp riêng, chấp nhận sự bóc lột vô hạn độ của chủ đất, chịu làm lao dịch và cống nạp sản phẩm không định mức, chịu sự khinh rẻ của tầng lớp phong kiến khác tộc...” (Đặng Nghiêm Vạn và cộng sự, 1972, tr. 27).

Đây là một thực tế lịch sử khá đau lòng ở vùng Tây Bắc tr- ớc đây. Nh- ng, “cho đến tr- ớc ngày giải phóng, các nhóm Nam □ còn giữ lại trong đời sống văn hoá, nhiều dấu vết của nền văn hoá bản địa ở bán đảo Đông D- ọc hay nói rộng hơn ở miền Đông Nam □ mà giới khoa học th- ờng gọi là văn hoá Nam □” (Đặng Nghiêm Vạn và cộng sự, 1972, tr. 28). □ đây có một thực tế lịch sử khác đáng chú ý nữa là sự vay m- ợn hay tiếp biến văn hoá giữa các tộc Nam □ và Thái đã diễn ra khá sâu sắc đến mức hiện nay khó phân biệt đ- ọc rõ ràng đâu là yếu tố Nam □, đâu là yếu tố Thái. Hơn nữa, cho đến nay, các dân tộc Tây Bắc đều rất tự hào về mối quan hệ tiếp biến văn hoá này.

Ngày nay, khi các dân tộc Tây Bắc đã là anh em một nhà cùng chung sức xây dựng quê h- ọc giàu đẹp của thời kỳ đổi mới đất n- ớc, chúng ta đủ tỉnh táo nhìn lại mối quan hệ đó - mối quan hệ giữa ng- ời Thái và ng- ời Khơ-mú nói riêng, ng- ời Thái với các dân tộc Nam □ khác nói chung là *mối quan hệ anh em một nhà*. Các nguồn t- liệu s- u

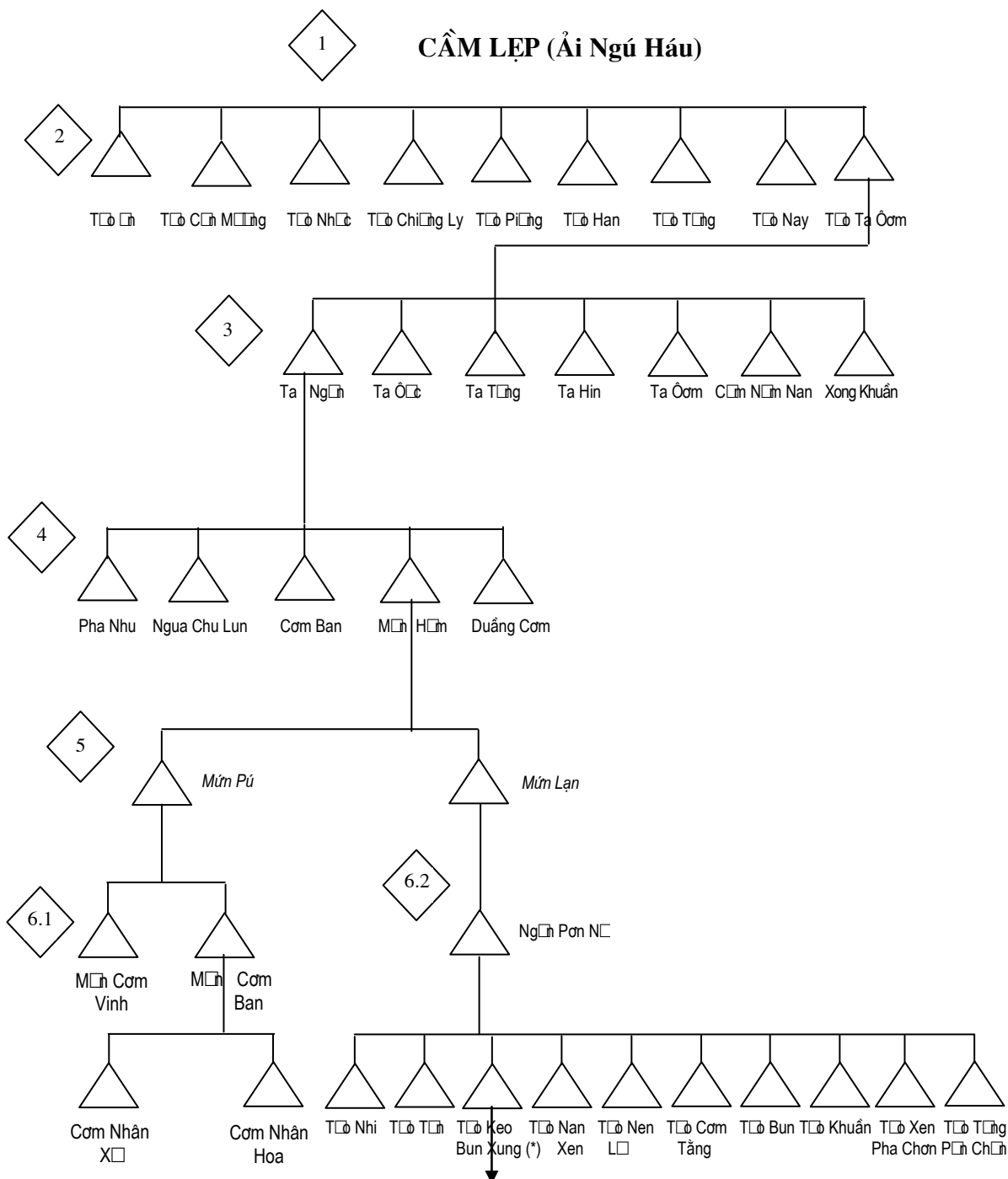
tâm đ- ọc ở Tây Bắc, nhất là các văn bản chữ Thái cổ là nguồn cứ liệu đáng tin cậy cho luận điểm trên. Trong đó, các văn bản về *Quam tô m- ọc* (chuyện kể bản m- ờng) tuy có hơn 30 văn bản khác nhau, nh- ng đều chung một nội dung là kể về lai lịch dòng họ Lò Cẩm ở Tây Bắc ngày nay. Nói khác đi, đây là bản gia phả “*Năm néo theo l- ợ*” (giòng, giống huyết tộc) của dòng họ quý tộc Thái đen ở Tây Bắc đ- ọc tính từ khi từ tr- ởng Lạng Ch- ợng tiến đến vùng Tây Bắc.

Ngoài những giá trị văn bản học, văn học và lịch sử của một thời xa x- a, *Quam tô m- ọc* thực sự là một nguồn sử liệu cung cấp cho ng- ời đọc những t- liệu gần nh- còn nóng hổi về mối quan hệ giữa ng- ời Thái và các dân tộc Nam □, tr- ớc hết là ng- ời Khơ-mú ở Tây Bắc Việt Nam. Căn cứ vào một số văn bản chúng tôi đang có trong tay, nhất là bản dịch in trong cuốn “*T- liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*” [Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên), 1977, tr. 17 - 198]; “*Danh sách tổ tiên họ Lò Cẩm*” (nguyên bản chữ Thái) do Cẩm Trọng và Kashinaga Ma Sao s- u tâm, nghiên cứu và dịch, (2003) và bản in vi tính *Quam tô m- ọc* của Trung tâm Thái học (Thai Studies) tại Mỹ (1990). Chúng tôi xin trình bày sơ đồ về bản gia phả này nh- sau: Đây là bản dịch từ nguyên bản chữ Thái Đen vùng Sơn La từ cuốn “*Danh sách tổ tiên họ Lò Cẩm*” (Mai Sơn - Sơn La). Bản gia phả này đ- ọc bắt đầu từ thế hệ *Lò Lep* (có ng- ời gọi là *Lò Let*) - □i Ngu Háu (chàng Rắn hổ mang) kết quả của mối quan hệ hôn nhân hỗn tộc giữa Tào Hoác (Thái) và Nàng Nhan (ng- ời Khơ-mú) ở Thuận Châu - Sơn La. Sau đây là sơ đồ bản gia phả đó.

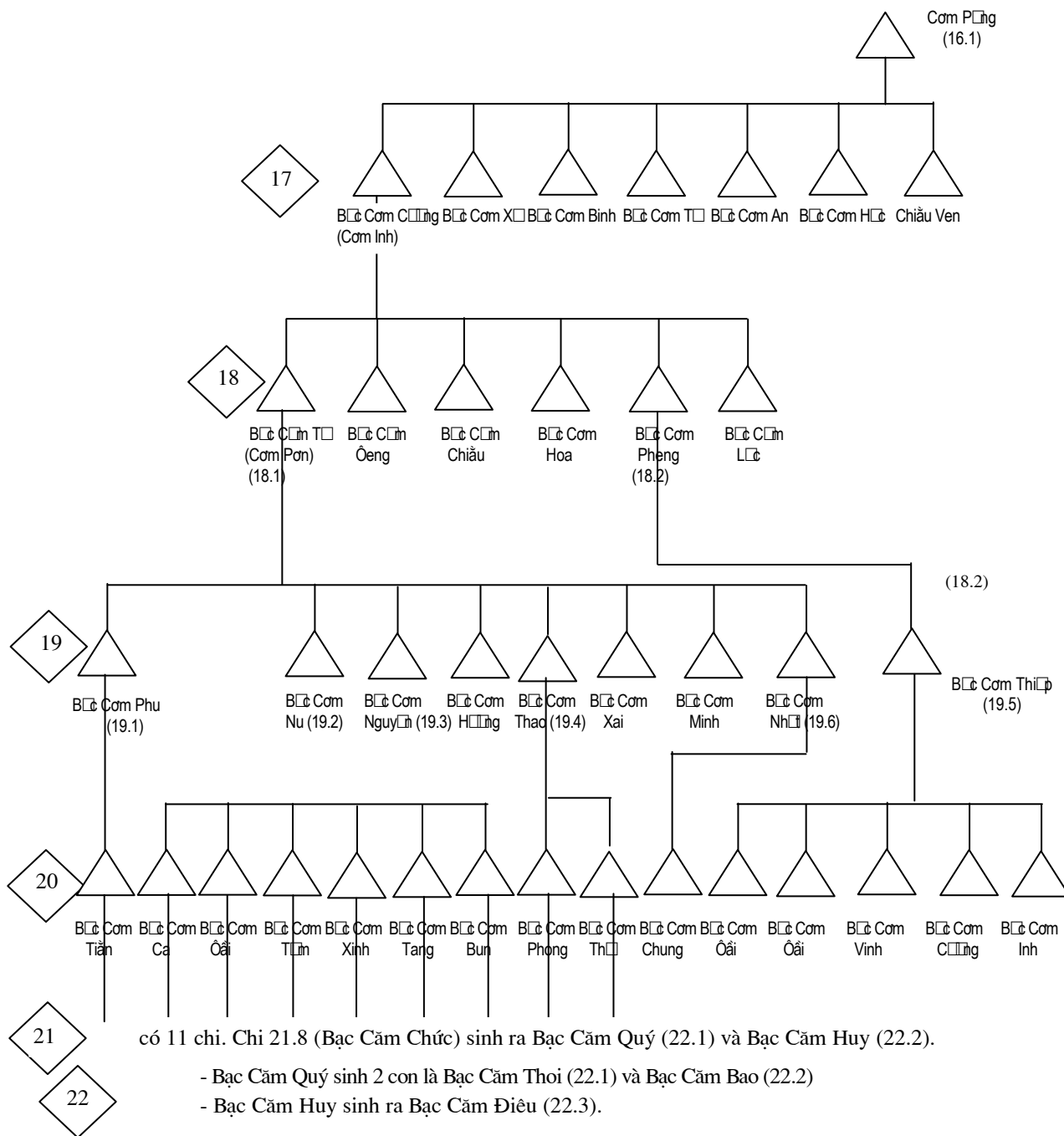
Dòng giống huyết tộc họ Bạc ở M- òng Muối (Thuận Châu - Sơn La)

(Nguyên văn tiếng Thái: *Nặm néo theo l- ợt và xính Bạc dú m- óng Muối*)

Các ký hiệu đ- ợc tính theo dòng trai (Δ) - phụ hệ



(*) Đến đây có một *Tạo Keo* (Tạo người Việt), có thể *Tạo Múm Lạ* đã lấy vợ Việt (!)
Bun Xung



Theo sơ đồ trên đã có 22 thế hệ đ-ợc nối tiếp sinh ra. Có điều đáng chú ý là đến thế hệ thứ 7 xuất hiện Tạo Keo Bun Xung (có thể dòng họ này có thêm mối quan hệ với cả ng-ời Việt ở đ-ới xuôi).

Nh-ng giòng huyết thống hỗn huyết lại nòi Thái - Khơ-mú mới là “*Nằm néo theo l-ợ*” (giòng giống cùng huyết tộc) chính thống và bền vững.

Sơ đồ gia phả theo bản in ở Texas (Mỹ)

Bản gia phả in ở Mỹ đ-ợc trình bày rõ ràng, đơn giản hơn, bao gồm cả 12 thế hệ tr-ớc Cơm Lệp (con của bố Thái, mẹ Khơ-mú). Bản này đ-ợc bắt đầu từ đời Tạo Xương, Tạo Ngân (ng-ời đ-ợc *Then* sai mang quả bầu mẹ xuống dựng lại trần gian sau nạn Đại Hồng thủy).

Thế hệ	Đời Tào	Thế hệ	Đời Tào
1	Tào Xuông - Tào Ngần		
2	Tào Lò	18	Mứn Lạn - Mứn Pú
3	Sinh 7 con trai, Lạng Ch-ợng con út	19	Ngấn Pấn Ná
4	Khun Pe	20	Văng M-ong-Nhọt M-ong-Chom m-ớng
5	Khun Mứn	21	Phìa Nang Keo
6	Tào Pán	22	Cắm Ph-a
7	Xáy Chạng	23	Cắm Xôm
8	Cản Cắm	24	Cắm Bua
9	Tào Chiêu - Tào Chông	25	Cắm Xi - Cắm Tén
10	Tào Thông	26	Cắm Tom
11	Tào Quác	27	Cắm Pheng - Cắm Cạu
12	Tào Ch-ng	28	Cắm Pong
13	TỔ HO C (Lấy vợ ng-ời Khomú)	29	Cắm Inh
14	Cắm Lẹp (Ái Ngứ Hấu)	30	Cắm Pấn
15	Ta Cắm	31	Cắm Th-ợi - Cắm Tén (1978) (Đánh giặc cờ vàng)
16	Ta Ngần	32	Cắm Hặc (1884) (Theo giặc cờ vàng)
17	Phạ Nhu - Mứn Hắm	33	Cắm Hum (Đánh giặc cờ vàng)

Đến năm 1888, Pháp đuổi Hán - Cắm Hặc trở lại Tây Bắc xin vua Nguyễn và vua Lào đ-ợc tiếp tục xây dựng lại bản m-ờng nh- cũ.

Nếu tính từ Cắm Lẹp (Ái Ngứ Hấu) đã có tới 20 đời Tào (quý tộc Thái Đen) làm chủ Tây Bắc. Trong khoảng 20 đời Tào đó chắc chắn không chỉ riêng ông tổ của họ

(Tạo Hoác) lấy vợ ng-ời Khơ-mú hoặc các dân tộc khác ở Tây Bắc mà các thế hệ con cháu của họ vẫn tiếp tục truyền thống của ông cha họ. Nh- vậy, chỉ mới giới hạn trong 20 đời Tạo đó thôi cũng đã diễn ra các cuộc hôn nhân giữa quý tộc Thái Đen với các dân tộc bản địa. Điều hiển nhiên là các thế hệ con cháu của họ (kết quả của các cuộc hôn nhân hỗn tộc) vẫn tồn tại và phát triển. Theo lôgic của sự phát triển đó thì rõ ràng là trong tầng lớp quý tộc các thế hệ con cháu của họ vẫn bao gồm cả các dân tộc bản địa nh- ng-ời Khơ-mú chẳng hạn. Nh- vậy, theo lý mà xét thì các thế hệ quý tộc Thái không thể gạt các thế hệ con cháu hỗn huyết lai nòi của họ ra khỏi dòng tộc của mình. Trong thực tế, những thế hệ con cháu đó đã và vẫn nằm trong gia đình họ, vẫn là con cháu trong dòng tộc họ. Sẽ thật vô lý khi các thế hệ Tạo Thái lại gạt con cháu của họ sang một bên và coi họ là ng-ời lệ thuộc vào họ. Không hiểu tại sao một điều hiển nhiên nh- thế mà vẫn đ-ợc xã hội Thái quý tộc thừa nhận mà còn lại có phần tự hào vì đã gạt con cháu của mình ra khỏi dòng tộc của mình, coi các con cháu của mình là con ở của mình!

Trong nhiều t- liệu khác, ngay bản thân tù tr-ởng Lạng Ch-ợng (không phải đợi đến thời Tạo Hoác) cũng đã từng yêu và kết hôn với các cô gái Xá, trong đó tiêu biểu nhất là với *Nàng Ho Quảng* (con gái của tù tr-ởng Xá là *Ăm Poi*¹ ở m-òng Muối). Kết quả của cuộc hôn phối đó đã đ- ra hai chàng trai *Khun Pe* và *Khun Mứn* và các thế hệ sau đó của dòng họ quý tộc này. Theo bản in ở Mỹ thì sự hỗn huyết lai nòi Thái-Khơ-mú phải có tr-ớc đó 8 đời - Bắt đầu từ Lạng Ch-ợng với *Nàng Ho Quảng* (con gái tù tr-ởng Khơ-mú *Ăm Poi*).

¹ Trong tiếng Khơ mú: “*Ăm Poi*” là giữ kín nổi uất hận. Tên gọi đó đ-ợc đặt cho quả núi hiện nay vẫn đ-ợc gọi ở huyện Thuận Châu (Sơn La).

Đoạn chú thích cho *Truyện kể bản m- ờng* trong cuốn “*T- liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*” [Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên)] có nhắc lại sự kiện Tạo Quạ (hay Quác) là ông của Tạo Hoác mới là cha đẻ của *Ái Ngụ Háu* (chàng Rắn hổ mang).

Mẹ của Lò Lẹt (sách này gọi là Lò Lệt) là một ng-ời Xá rất xinh đẹp, thông minh và táo bạo tên là An. Một hôm, nàng mang đồ đan lát của mình đến đổi chác ở nhà chúa Tạo Quạ. Vì vợ cả Tạo Quạ ngờ ý khinh miệt cô gái Xá, nàng An đã nói kháy vài câu. Tạo Quạ nghe đ-ợc những lời nói kháy thông minh, sắc sảo đó và cho rằng nàng là ng-ời con gái Xá thật hiếm gặp. Tạo Quạ quyết định c- ới nàng làm vợ lẽ. Ng-ời vợ cả ghen ghét tìm cách ngăn cản ông chồng đến buồng vợ hai. Vì thế, mỗi lần đến với nàng, Tạo Quạ đều phải lén lút, qua loa. Sau này, khi đ- ra đứa con trai khôi ngô tuấn tú đ-ợc gọi là *Lò Lẹt* (trong tiếng Thái “*lết*” có nghĩa là qua loa, dính dấp qua quýt).

Khi Lò Lẹt khôn lớn, với hình dáng to cao khoẻ mạnh nh- thế càng bị bà cả ganh tỵ. Tạo Quạ nghe lời dèm pha của bà vợ cả là Lò Lệt không phải con đẻ của mình nên đồng tình với vợ cả m-u giết chết Lò Lệt. Nh- ng do thông minh, sắc sảo, mẹ Lò Lệt (ng-ời phụ nữ Xá đó) đã biết tr- ớc âm m- u hại con mình của vợ chồng Tạo Quạ, bà bèn bày kế quán bông bặt xung quanh thân mình con trai, nên khi lên bắt rắn hổ mang đang ấp trứng rất hung dữ trên hốc cây, chàng đã thoát chết và bắt đ-ợc đôi rắn hổ mang. Vợ chồng Tạo Quạ sợ quá và cho rằng, chàng trai là ng-ời của thần linh, có phép bùa.

Đến lúc này, Tạo Quạ phục tài trí của Nàng An và Lò Lẹt, tạo cho con nổi nghiệp, theo mình đánh giặc. Từ đó, chàng Lò Lẹt lấy biệt danh là *Ngụ Háu* (chàng Rắn hổ

mang) đã tay không mà bắt đ-ợc đôi rắn hổ mang hung dữ. Theo dã sử, Lò Lệt còn rất nhiều tài, phép khác th-ờng. Do đó, đ-ợc nhân dân ở đây tôn thờ và cho đến nay vẫn đ-ợc gọi một cách triu mến là “*Pú Châu*” (ông mình).

Căn cứ vào truyện kể này thì cặp hôn nhân hỗn tộc còn xảy ra sớm hơn. Nh-ng, dù sớm hay muộn thì một sự thật hiển nhiên là kết quả cuộc hôn nhân đó đã sinh ra chàng Rắn hổ mang “*Ái Ngu Háu*” - ông tổ của các nhóm Thái Đen ở Tây Bắc Việt Nam hiện nay.

Sau khi lên làm chủ m-ờng Muối thay cha, chàng Lò Lệt đã đ-ợc chính bà mẹ Xá của mình chỉ bảo, giúp đỡ rất nhiều trong việc cai quản, trị vì bản m-ờng. T-ờng truyền rằng, nhiều phong tục, tập quán hiện nay của ng-ời Thái Đen nh- cách ăn mặc, lợp nhà, nấu n-óng, đan lát đồ dùng... đều do Nàng An (mẹ Lò Lệt) bày cho cả hai dân tộc Thái và Xá ở nơi này. Cho đến nay, trong các gia đình Thái, Xá ở đây mỗi khi có việc thờ cúng tổ tiên của mình, họ đều bày một mâm cúng thờ riêng ông tổ Lò Lệt. Mỗi khi bản m-ờng có thờ cúng chung nh- *xên bản, xên m-ờng* thì đồng bào vẫn dành một mâm cúng riêng để thờ ông tổ của mình.

Nh- vậy, mặc dù mang tên Chàng Rắn hổ mang “*Ái Ngu Háu*”, nh-ng đó chỉ là biệt danh do nhân dân kính trọng đặt cho, tặng cho lòng dũng cảm và sự m-u trí của ông tay không bắt sống đôi rắn hổ mang chứ không phải hình t-ợng tô tem. *Ái Ngu Háu* (chàng Rắn hổ mang) là ng-ời trần mắt thịt, là kết quả của mối tình Thái - Khơ-mú mà ra. Đặc biệt, các thế hệ quý tộc Thái Đen ở Tây Bắc không hề mặc cảm với giòng giống của mình mà trái lại còn rất tự hào với giòng máu pha trộn đó.

Đây là một thực tế lịch sử, dù muốn hay không, thực tế đó đã chứng minh cho mối quan hệ anh em một nhà, anh em “*huôm pâu huôm pán*” (chung cụ, chung kỵ) của ng-ời Thái và ng-ời Khơ-mú ở Tây Bắc. Cho dù sau này, để củng cố địa vị thống trị của mình, các thế hệ quý tộc Thái Đen đã tạo ra sự khác biệt giữa ng-ời Thái (thực ra là giới quý tộc) với ng-ời Khơ-mú mà ng-ời Thái quen gọi họ là “*xá*” với ý khinh miệt. Xét đến cùng, họ chính là ng-ời cùng cha cùng mẹ, cùng một giòng máu rất bình th-ờng, rất tự nhiên nh- bất kỳ cặp hôn nhân nào trên thế giới này.

Tr-ớc sự việc hiển nhiên nh- thế, tại sao các thế hệ dòng họ quý tộc Thái Đen lại tự tách mình ra thành một tầng lớp riêng, tầng lớp cao quý hơn theo cách nghĩ của họ, trong khi bản thân họ cũng không thể có phép màu nào có thể tách hai dòng máu Thái - Khơ-mú đang chảy trong huyết quản của họ thành giòng máu cao quý và giòng máu thấp hèn. Điều đó chỉ đ-ợc chứng minh khi họ không còn nhận ông tổ *Lò Lệt - Ái Ngu Háu* là ông tổ của mình nữa. Nh-ng, cho đến nay vị trí, vai trò của ông tổ này vẫn nằm sâu trong cõi tâm linh, trong bề sâu tín ng-ỡng của họ. Điều chắc chắn là không ai dám chứng minh và không thể chứng minh đ-ợc cái điều hiển nhiên không chỉ tồn tại trong tâm trí mọi ng-ời mà còn bằng “*giấy trắng mực đen*” hẳn hoi. Cho đến nay, mọi ng-ời lại cũng rất tự hào về bản gia phả đó. Thử hỏi, nếu ng-ời Thái Đen nói chung và các thế hệ thành viên quý tộc Thái Đen nói riêng mà tách gia phả “*Quam tô m-ong*” ra khỏi tâm linh của họ thì họ còn dám nhận mình là ng-ời Thái Đen nữa không? Trên đời này có ai, có dân tộc nào dám chối bỏ tổ tiên đã sinh thành mình không? Hơn nữa, đã từ rất

lâu họ đều tự hào về giòng giống đó, cố chi họ lại dám chối bỏ nó.

Thực ra, vấn đề ở đây cũng khá đơn giản và dễ hiểu, chỉ sau này khi bộ máy thống trị của quý tộc Thái Đen ở Tây Bắc đã đ- ọc xác lập thì vấn đề củng cố và phát huy thanh thế của bộ máy thống trị đó đ- ọc đặt ra. Một trong những cách đ- ọc tầng lớp quý tộc Thái thực thi là “*hạ bệ*” tất cả những kẻ đã bị lệ thuộc vào mình thành một tầng lớp c- dân khác thấp kém hơn mình. Một khi đã nh- thế thì những ng- ời bị trị sẽ hoàn toàn lệ thuộc vào tầng lớp thống trị. □ đây, ng- ời ta (những ng- ời thống trị) cố tạo ra sự lệ thuộc đó càng tự nhiên bao nhiêu thì địa vị của họ càng vững chắc bấy nhiêu. Đến đây, *sự sáng tạo* ra bản gia phả *Quám Tố m- ơng* ra đời, nhằm chứng minh cho sự lệ thuộc đó là tự nhiên, là phù hợp với quy luật đi chiếm đất của họ. Để hỗ trợ cho bản gia phả này, một sáng tạo khác khảng định thêm sự thấp kém của kẻ bị trị - kẻ bại trận, dù đã rất cố gắng là “*sử thi*” “*Tây pú xóc*”. Dịch nguyên nghĩa là “*Theo đ- ờng ông cha đánh giặc*”!

Vậy “*giặc*” ở đây là ai? Thực ra, sau này (nhất là từ sau khi Cầm Lẹp - con trai của Tào Hoác và Nàng Nhan ra đời) thì “*lũ giặc*” đó đều cùng giòng máu với những ông Tào cầm g- ơm đi giết giặc - giết những anh em cùng huyết thống, cùng *đắm* với mình. Theo phong tục Thái, đã là anh em cùng *đắm* là cùng huyết thống, cùng một giòng máu thì đến cả sau khi chết về thế giới tổ tiên vẫn phải tìm nhau, giúp đỡ, bảo vệ và sống chung với nhau trên cõi “*Liên pan nọi*” (bình dân) và “*Liên pan luông*” (nơi ở tổ tiên tầng lớp quý tộc). □y vậy mà, ở đây anh em cùng một bố, một mẹ lại đi đánh nhau, lại coi nhau là “*xóc*” (giặc)? Nh- vậy, thực chất của cái gọi là sử

thi “*Tây pú xóc*” vẫn đ- ọc quý tộc Thái Đen tung hô để củng cố địa vị thống trị của mình lại chính là *bài ca “nồi da nấu thịt”*, bài ca anh em cùng bố, cùng mẹ chém giết lẫn nhau.

Trong lịch sử nhân loại, việc anh em, đến cả bố con chém giết lẫn nhau để tranh quyền thống trị không phải là chuyện hiếm. Song, ở đây trong văn cảnh cụ thể của quá trình tộc ng- ời ở Tây Bắc, nói cụ thể hơn là quá trình tiến vào Tây Bắc của tù tr- ởng Lạng Ch- ợng để kiếm đất sinh sống, sự hoà hợp giữa các dân tộc bản địa và kẻ mới đến đã diễn ra, dù muốn hay không cũng đã tạo ra một tầng lớp c- dân mới - kết quả của quá trình này. □y thế mà, kết quả đó lại bị coi là thấp kém, là lệ thuộc vào lớp ng- ời mới đến thì thật trớ trêu, không thể tin đ- ọc. Bởi trong thực tế của cả quá trình này, trong tầng lớp c- dân mới hình thành phải bao gồm cả lớp c- dân bản địa (đúng hơn là có gốc bản địa) và cả lớp c- dân mới đ- ọc tạo ra. Cả hai lớp c- dân đó trong bản gia phả *Quam tô m- ơng* lại là những ng- ời con cháu, chất, chít... của cùng một ông tổ *Ái Ngú Háu* (chàng Rắn hổ mang). Nếu loại bỏ 12 thế hệ đầu tiên tính từ đời *Tào Ngần*, *Tào Xuông* thì bắt đầu từ đời thứ 13, đời của Cầm Lẹp (□i Ngu Háu) đã bắt đầu một giòng giống mới: *giòng giống hỗn huyết lai nòi giữa Tào Hoác (ng- ời Thái - cũng đã chắc gì là Thái “zin”) với Nàng Nhan (cô gái Khơ-mú xinh đẹp, tài giỏi)*.

Nh- vậy, chỉ cần tính từ đời *Cầm Lẹp - Ái Ngu Háu* thôi thì mấy chục đời tiếp theo của dòng họ này vẫn là những ng- ời có chung dòng máu Khơ-mú - Thái. Bản gia phả họ Lò Cầm của hai tác giả Cầm Trọng - Mai Sao s- u tâm, dịch và nghiên cứu chẳng đã ghi rõ ràng bằng nguyên văn tiếng Thái, chữ thái cổ là

“*Năm néo theo l-ợt*” (giòng giống huyết tộc) của họ Lò Cầm ở m-ờng Muối (Thuận Châu - Sơn La) - dòng họ quý tộc rất nổi tiếng ở vùng Tây Bắc từ x-a tới nay.

Qua đó, đủ chứng cứ để nói rằng: dòng họ quý tộc Thái Đen và ng-ời Khơ-mú là anh em một nhà, cùng ông tổ Lò Lệt - □i Ngu Hấu. Đây là mối quan hệ thật đặc biệt mà lâu nay nhiều ng-ời bị lãng quên hay cố tình lãng quên!

Tài liệu tham khảo

1. Khổng Diễn (chủ biên) (1999), *Dân tộc Khomú ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

2. *Quam tô m-ơng*, nguyên bản viết tay của Bạc Văn Núi ở M-ờng Tranh – Mai Sơn – Sơn La (t- liệu cá nhân).

3. *Quam tô m-ơng* – Bản in vi tính của Trung tâm Thái học ở Desmois – Texas Mỹ, 1990.

4. Cầm Trọng – Kashinaga Ma Sao (S- u tâm, nghiên cứu và dịch) (2003), *Danh sách tổ tiên dòng họ Lò Cầm Mai Sơn – Sơn La*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

5. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên) - Cầm Trọng - Khả Văn Tiến - Tòng Kim Ân (1977), *T- liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

6. Đặng Nghiêm Vạn - Nguyễn Trúc Bình - Nguyễn Văn Huy - Thanh Thiên (1972), *Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

4. Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.



Cước đất chuẩn bị làm nhà của ng-ời Khơ-mú ở tỉnh Sơn La

Ảnh: Nùng A Thảo